

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Số: 217/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đầu tư dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa nóng, quy mô công suất
180 tấn/giờ (1.440 tấn sản phẩm/ngày) tại ấp Phước Tân, xã Tân Phước,
huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư
Xây lắp Miền Nam làm chủ đầu tư**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư dây
chuyền trạm trộn bê tông nhựa nóng, quy mô công suất 180 tấn/giờ (1.440 tấn sản
phẩm/ngày) tại ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa,
bổ sung gửi kèm Công văn số 22/2022/CV-PD ngày 19/01/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
52/TTr-STNMT ngày 25/01/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Đầu tư dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa nóng, quy mô công suất 180 tấn/giờ
(1.440 tấn sản phẩm/ngày) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây
lắp Miền Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp Phước Tân, xã Tân
Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban
hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Tân Phước, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (BH-06-QĐPD-26/01)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ DÂY CHUYỀN TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG, QUY MÔ
CÔNG SUẤT 180 TẤN/GIỜ (1.440 TẤN SẢN PHẨM/NGÀY)
TẠI ÁP PHƯỚC TÂN, XÃ TÂN PHƯỚC, HUYỆN ĐỒNG PHÚ,
TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY LẮP MIỀN NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 217./QĐ-UBND ngày 28. /01/ 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa nóng, quy mô công suất 180 tấn/giờ (1.440 tấn sản phẩm/ngày).

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6300048003 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 17/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06/8/2020.

Trụ sở chính: Số 225, đường Hùng Vương, khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thông Minh, chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Áp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 15.050,5 m²; quy mô công suất: 180 tấn/giờ (1.440 tấn sản phẩm/ngày).

1.5. Công nghệ của Dự án: Cát sạch sau loại tạp chất tại bãi chứa; đá sạch từ bãi chứa → Phễu nguội → Tang sấy → Sàng phân loại → Phễu nóng → Sàng phân loại → Định lượng → Thùng trộn; Nồi nấu bằng điện (nấu nhựa) → Định lượng; Bột đá → Định lượng → Thùng trộn → Sản phẩm → Vận chuyển đến công trình.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu vực trạm trộn, khu vực tập kết nguyên liệu, khu văn phòng và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi phát sinh từ quá trình san nền, đào móng; khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu san lấp mặt bằng; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng;

bụi, khí thải của các thiết bị thi công; khí thải từ quá trình hàn thi công; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm khí thải phát sinh từ công đoạn sản xuất; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa; nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng $03 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, dầu mỡ, NH_4^+ , tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng $0,96 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, dầu mỡ, NH_4^+ , tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Lưu lượng phát sinh khoảng $77,52 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, chất rắn lơ lửng...

2.2.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, dầu mỡ, NH_4^+ , tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Lưu lượng phát sinh khoảng $129,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, chất rắn lơ lửng...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Bụi phát sinh từ quá trình san nền, đào móng:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng $0,397 \text{ mg/m}^3$.

- *Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu san lấp mặt bằng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_2 , CO, SO_2 , VOC.

- *Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, SO_2 , VOC.

- *Bụi phát sinh từ hoạt động bốc dỡ vật liệu xây dựng:* Nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động này khoảng $0,0039 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải của các thiết bị thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC.

- *Khí thải từ quá trình hàn thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x .

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- *Bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất*: Nồng độ bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất khoảng $0,0005 \text{ mg/m}^3$ đến $0,01 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình rang nóng cát đá*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Tro bụi, hơi dầu, NO_x , CO, SO_2 , SO_3 .

- *Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận chuyển*: Nồng độ bụi phát sinh dao động trong khoảng $0,099 \text{ mg/m}^3$ đến $5,33 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi phát sinh từ phương tiện vận chuyển*: Nồng độ bụi phát sinh dao động trong khoảng $0,014 \text{ mg/m}^3$ đến $0,798 \text{ mg/m}^3$.

- *Khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x , SO_2 , CO, HC.

2.3.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất*: Nồng độ bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất khoảng $0,0008 \text{ mg/m}^3$ đến $0,017 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình rang nóng cát đá*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Tro bụi, hơi dầu, NO_x , CO, SO_2 , SO_3 .

- *Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận chuyển*: Nồng độ bụi phát sinh dao động trong khoảng $0,108 \text{ mg/m}^3$ đến $6,396 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi phát sinh từ phương tiện vận chuyển*: Nồng độ bụi phát sinh dao động trong khoảng $0,0416 \text{ mg/m}^3$ đến $0,8792 \text{ mg/m}^3$.

- *Khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x , SO_2 , CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 162,77 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là phế thải, rơi vãi như xi măng, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 14,4 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:



- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 10,368 tấn/06 tháng; thành phần chủ yếu là nguyên liệu rơi vãi như cát, đá, bê tông nhựa nóng...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 9,6 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Bùn thải*: Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải khoảng 03 tấn/06 tháng, thành phần chủ yếu gồm nước và cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải. Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 7,272 tấn/06 tháng; thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ. Bùn cặn từ bể tự hoại phát sinh khoảng 0,045 tấn/06 tháng, thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

2.4.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 0,144 tấn/ngày; thành phần chủ yếu là nguyên liệu rơi vãi như cát, đá, bê tông nhựa nóng...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 16 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Bùn thải*: Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải khoảng 0,04 tấn/ngày; thành phần chủ yếu gồm nước và cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải. Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,091 tấn/ngày; thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ. Bùn cặn từ bể tự hoại phát sinh khoảng 0,0005 tấn/ngày, thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.833 kg, bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ; thùng chứa dầu nhớt thải; dầu nhớt thải; sơn thải, cặn sơn thải; keo dính thải, cặn keo dính thải; que hàn thải.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 18 kg/06 tháng bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; giẻ lau, vải, găng tay dính dầu; hộp mực in thải có thành phần nguy hại; các loại dầu mỡ thải từ quá trình bảo trì máy móc; bao bì thải.

2.5.3. Trong giai đoạn vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 45 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; giẻ lau, vải, găng tay dính dầu; bao bì thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào hồ ga lắng tạm là hồ đất, lót bạt HDPE, dung tích 20 m³. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Xây dựng trước 02 bể tự hoại 03 ngăn, trong đó, 01 bể tự hoại tại khu vực văn phòng có dung tích 10,2 m³; 01 bể tự hoại tại khu vực sản xuất có dung tích 20 m³ để sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng, giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại, trong đó 01 bể tự hoại tại khu vực văn phòng có dung tích 10,2 m³; 01 bể tự hoại tại khu vực sản xuất có dung tích 20 m³.

Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày.đêm với quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể thu gom; Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học MBBR → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng. Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_f = 1,1$; $k_q = 0,9$, sau đó thoát ra đường ống thoát nước thải chảy về suối nhỏ phía Đông giáp Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày.đêm như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài; rộng; sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Bể gom	01; 0,6 ; 3,7	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Bể điều hòa	03 ; 06 ; 3,7	01	
3	Bể anoxic	1,7 ; 2,5 ; 3,7	01	
4	Bể MBBR	2,2 ; 2,5 ; 3,7	01	
5	Bể aerotank	04 ; 3,2 ; 3,7	01	
6	Bể lắng sinh học	3,2 ; 3,2 ; 3,7	01	
7	Bể khử trùng	3,2 ; 0,6 ; 3,7	01	
8	Bể chứa bùn	Bể hình chữ L, kích thước các cạnh: 04; 2,1; 3,3; 1,1;	01	

		0,7; 01 (m), chiều sâu: 3,7 m		
--	--	-------------------------------	--	--

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_f = 1,1$; $k_q = 0,9$, sau đó thoát ra đường ống thoát nước thải chảy về suối nhỏ phía Đông giáp Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động san lấp, san nền và bốc dỡ nguyên vật liệu:* Che chắn khu vực san gạt so với xung quanh bằng các tấm bạt hoặc tôn cao 03 m, các khu vực thi công có các biển thông báo khu vực đang thi công; phun nước tại công trường nơi có đông mật độ xe vận chuyển vật liệu san nền; các loại xe chuyên chở phải được che chắn, phủ bạt để tránh bụi phát tán trong quá trình di chuyển; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển:* Tất cả các phương tiện, thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng tại khu vực Dự án phải đạt tiêu chuẩn quy định của pháp luật; các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc thi công cơ giới không hoạt động quá công suất thiết kế; định kỳ kiểm tra kỹ thuật và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; phân phối xe vận chuyển ra vào khu vực Dự án và điều tiết các máy móc làm việc phù hợp...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục công trình:* Bố trí kho bãi để lưu chứa vật liệu xây dựng, lán trại cho công nhân thi công xây dựng; phun nước tưới ẩm làm giảm bụi, dùng bạt che chắn phần đất đã đào lên; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn:* Ngăn cách khu vực thi công với khu vực xung quanh bằng các tấm ngăn; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.3. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất:* Chủ Dự án lắp đặt hệ thống xử lý khí thải để thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Dự án. Quy trình xử lý bụi, khí thải của hệ thống xử lý khí thải như sau: Bụi, khí thải trạm trộn (từ công đoạn rang nóng đến thùng trộn, buồng đốt dầu FO) → Cyclone → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ → Ống khói.

Kích thước các công trình của hệ thống xử lý khí thải như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m)	Số lượng (cái)	Vật liệu
1	Cyclone	Đường kính 1,68 m; chiều cao 3,2 m	01	Thép CT3, phủ sơn bảo vệ
2	Quạt hút khí thải	Công suất 30KW; Lưu lượng lớn nhất: 20.000 m ³ /giờ	01	Thép CT3
3	Tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH 10%)	Đường kính 2,5 m; chiều cao 6,5 m	01	Inox 201, 304 hoặc thép SS400 được phủ sơn cách nhiệt
4	Ống khói	Đường kính 0,7m; chiều cao 15m	01	Thép CT3
5	Bể lắng cặn	Chiều dài 7,5 m; chiều rộng 13 m; chiều sâu 05 m	01	Bê tông cốt thép, chống thấm

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển:* Bố trí lịch ra vào cho các xe lưu thông một cách hợp lý; các xe vận chuyển phải được kiểm định đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải; không được nổ máy liên tục khi giao nhận hàng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với $k_v = 1,2$; $k_p = 1,0$. Đồng thời, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.2. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Các loại chất thải như đất, đá, cát thải... được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; các loại chất thải rắn khác được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị 02 thùng chứa rác HDPE, dung tích 240 lít, có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.3. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị các thùng chứa HDPE, dung tích từ 40 lít – 240 lít, có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

η.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Được thu gom, lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 20 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn có kích thước các cạnh: 04; 2,1; 3,3; 1,1; 0,7; 01 (m), chiều sâu: 3,7 m, kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn thải phát sinh từ bể tự hoại*: Lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại được Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được chứa trong bể lắng cặn có kích thước: Chiều dài 7,5 m; chiều rộng 13 m; chiều sâu 05 m, kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, dung tích khoảng 20 lít - 220 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích 30 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 15 m², kết cấu: nền bê tông, mái lợp tôn, tường vách bằng tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông; hạn chế bóp còi khi đi qua khu vực dân cư tập trung và trong công trường xây dựng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn nhằm không chế phát sinh tiếng ồn; lắp đặt thiết bị giảm ồn; nhắc nhở, khuyến khích tài xế không quá lạm dụng còi xe...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố liên quan đến bể tự hoại:* Xây dựng bể tự hoại đúng kích thước đã được tính toán, đảm bảo chứa đủ nước thải sinh hoạt của công nhân; Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý để ngăn ngừa các sự cố tắc nghẽn, tràn nhà vệ sinh xảy ra. Trường hợp xảy ra sự cố phải liên hệ đơn vị có chức năng đến để thu gom kịp thời lượng nước thải có trong các bể chứa, nhằm hạn chế phát tán ra bên ngoài.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Chủ Dự án trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất... để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ. Huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:*

Biện pháp phòng ngừa: Các thiết bị được lắp đặt 02 bộ hoạt động luân phiên, để tăng tuổi thọ và dự phòng trong trường hợp thiết bị còn lại bị hư hỏng; các thiết bị hư hỏng được sửa chữa ngay và lắp đặt vào hệ thống xử lý khí thải để tiếp tục

hoạt động; kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên; trong những trường hợp có sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn...

- Biện pháp ứng phó: Chủ Dự án tạm ngưng sản xuất nếu hệ thống xử lý khí thải ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả; nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi hệ thống xử lý khí thải trước khi đưa hệ thống xử lý khí thải vận hành trở lại...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, tiếng ồn, TSP, SO₂, CO, NO₂.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, amoni (tính theo N), photphat (tính theo P), tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_f = 1,1$; $k_q = 0,9$.

5.3.2. Giám sát bụi, khí thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, bụi, CO, NO_x, SO₂.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy định áp dụng*: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $k_v = 1,2$; $k_p = 1,0$.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.



6.2. Toàn bộ nước thải, khí thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải, khí thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Thực hiện việc trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 753/2021/CV-MT ngày 20/10/2021 của UBND xã Tân Phước về việc ý kiến tham vấn về Dự án Đầu tư xây dựng trạm trộn bê tông nhựa nóng, quy mô công suất 180 tấn/giờ tại ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 14/10/2021 tại ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.